

Số: *14* /2023/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày *01* tháng *3* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4806/STNMT-VPĐK ngày 21 tháng 12 năm 2022 (kèm theo Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 431/BC-STP ngày 02 tháng 12 năm 2022); sau khi lấy Phiếu biểu quyết đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh (qua Phần mềm Điện tử TD).

QUYẾT ĐỊNH:

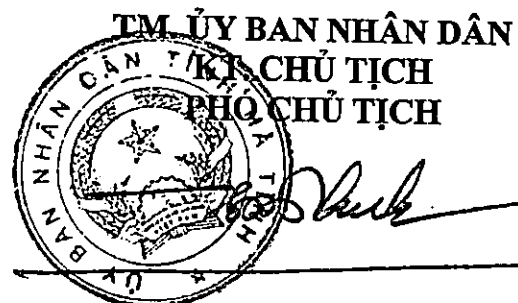
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2023.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh VP, PVP;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL. *[Signature]*



Nguyễn Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2023/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (*Sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP*); Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (*Sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT*) và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo quản, quản lý, cung cấp, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh bao gồm những thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Điều 5 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do Nhà nước quản lý được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định tại Luật Phí và lệ phí.

3. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc lập kế hoạch, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, có hệ thống, không trùng lặp, chồng chéo, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật; cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hằng năm để tổng hợp, lập kế hoạch theo Quy chế này.

3. Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, lập kế hoạch thu thập, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 31 tháng 10.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Hằng năm Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Hằng năm các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường theo kế hoạch của UBND tỉnh phê duyệt của đơn vị mình.

3. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn và dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

4. Đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần thuộc các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên nước; địa chất và khoáng sản; môi trường; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo; biến đổi khí hậu; viễn thám và các thông tin, dữ liệu chuyên ngành khác về tài nguyên và môi trường do các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, thu thập phải giao nộp tại Văn phòng Đăng ký đất đai để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

5. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, số hóa dữ liệu thu thập được và các thông tin, dữ liệu khác từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của ngành, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cấp huyện để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh theo quy định.

Điều 8. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để thu thập, tạo lập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong thời hạn chậm nhất 30 ngày kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Văn phòng Đăng ký đất đai*) 01 (một) bộ dữ liệu đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình giao nộp.

2. Phiếu nhập kho sản phẩm thông tin, tài liệu tài nguyên và môi trường là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ phê duyệt quyết toán, hoàn thành nhiệm vụ, dự án theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp danh mục, thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Văn phòng Đăng ký đất đai để xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thu thập, phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Chương III **TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN,** **DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu thu thập phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

Điều 11. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin

Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ:

1. Cơ quan chủ quản quản trị cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo mật dữ liệu, đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc cơ quan chủ quản làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Chương IV
KHAI THÁC, SỬ DỤNG, KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ THÔNG TIN,
DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Công bố Danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc các ấn phẩm chuyên môn nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình UBND tỉnh công bố theo quy định.

Điều 13. Hình thức khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Hình thức khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

- a) Trực tiếp tại cơ quan quản lý;
- b) Theo đường bưu chính;
- c) Trực tuyến trên môi trường điện tử.

2. Những trường hợp không được cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước không đúng quy định; những thông tin được quy định tại Điều 6 của Luật tiếp cận thông tin năm 2016; mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu; không thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định.

Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

Điều 14. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong việc xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định và theo Điều 6, Điều 7 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Chương V

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 15. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh.

a) Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức thực hiện kế hoạch theo quy định.

b) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành liên quan;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin; tổ chức tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các phần mềm ứng dụng trong ngành bảo đảm nâng cao hiệu quả khai thác, chất lượng quản lý nhà và cung cấp dịch vụ công của ngành; kết nối liên thông cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với nền tảng tích hợp dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP), chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định;

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Văn phòng Đăng ký đất đai của Sở Tài nguyên và Môi trường;

e) Cung cấp dữ liệu thông tin về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí, lệ phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định;

f) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

g) Định kỳ hằng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

h) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án thu phí, lệ phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp dữ liệu tỉnh (LGSP); phối hợp hỗ trợ bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Quy chế này theo đúng quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí, lệ phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định;

b) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Tĩnh hằng năm do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành.

5. Các sở, ban, ngành

Theo chức năng, nhiệm vụ hằng năm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định, lập danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, lập kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường; phối hợp thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường theo lĩnh vực phụ trách.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hằng năm của tỉnh.

b) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường 01 bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD.

2. Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh về thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu hoặc có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu (thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ).

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

4. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp

Các dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Quy chế này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu gặp khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.